

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN N
TỈNH QUẢNG NAM

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 14/2024/HS-ST
Ngày: 30/7/2024

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN N, TỈNH QUẢNG NAM

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán-Chủ tọa phiên tòa: Ông Huỳnh Quang.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Sáu và ông Hồ Xuân Ngân.

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Nhân - Thư ký Tòa án nhân dân huyện N, tỉnh Quảng Nam.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện N tham gia phiên tòa:** Ông Tạ Ngôn Ngộ – Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 7 năm 2024, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện N, tỉnh Quảng Nam mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 09/2024/TLST-HS ngày 16 tháng 4 năm 2024, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 15/2024/QĐXXST-HS ngày 12 tháng 7 năm 2024 đối với các bị cáo:

1, Võ Văn V, sinh ngày 10 tháng 02 năm 1989 tại huyện N, tỉnh Quảng Nam; Nơi thường trú: thôn Đ, xã T, huyện N, tỉnh Quảng Nam; Nơi ở hiện tại: thôn Đ, xã T, huyện N, tỉnh Quảng Nam; giới tính: Nam; Nghề nghiệp: Lao động phổ thông; trình độ học vấn: 8/12; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; Con ông Võ Văn S (đã chết) và bà Nguyễn Thị H, sinh năm: 1964; có vợ Zơ Rum Thị S1, sinh năm: 1987 và có 04 con.

Tiền án, Tiền sự: không.

Nhân thân:

Ngày 29/8/2011, Võ Văn V bị Công an huyện N xử phạt vi phạm hành chính về hành vi tàng trữ trái phép chất ma túy theo Quyết định số 06/QĐ.XPHC, qua xác minh việc chấp hành quyết định xử phạt thì kết quả xác định Võ Văn V chưa thi hành quyết định xử phạt nêu trên; nguyên nhân là Công an huyện N chưa tổ chức thi hành và tổng đạt quyết định xử phạt vi phạm hành chính nêu trên cho Võ Văn V theo quy định, V khai là chưa bao giờ nhận quyết định xử phạt vi phạm hành chính nêu trên. Do đó, Võ Văn V được xem là chưa bị xử phạt vi phạm hành chính.

Bị cáo bị bắt tạm giam ngày 18/02/2024 đến nay. Có mặt tại phiên tòa.

2, Bùi Đình T, sinh ngày 21 tháng 02 năm 1989 tại tỉnh Hà Tĩnh. Nơi thường trú: thôn P, xã T, huyện H, tỉnh Hà Tĩnh; Nơi ở hiện tại: thôn P, xã T, huyện H, tỉnh Hà Tĩnh; giới tính: Nam; Nghề nghiệp: Thầu xây dựng; trình độ học

vân: 9/12; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; Con ông Bùi Đình C, sinh năm: 1962 và bà Lê Thị T1, sinh năm: 1963; bị cáo chưa có vợ, con.

Tiền án, Tiền sự: không.

Nhân thân: Ngày 04/12/2019, bị Công an thành phố U, tỉnh Quảng Ninh xử phạt vi phạm hành chính về hành vi đánh bạc với số tiền 1.500.000 đồng. Bị cáo đã chấp hành xong việc nộp phạt và thuộc trường hợp được coi là chưa bị xử phạt vi phạm hành chính.

Bị cáo bị bắt tạm giữ ngày 01/11/2023 sau chuyển tạm giam. Có mặt tại phiên tòa.

- *Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan đến vụ án:*

Bà Zơ Rum Thị S1, sinh năm: 1987; trú tại: Thôn Đ, xã T, huyện N, tỉnh Quảng Nam. Có mặt.

- *Người chứng kiến:*

+ Ông Phong S2; sinh năm 1994; trú tại: Thôn 47, xã P, huyện N, tỉnh Quảng Nam. Vắng mặt.

+ Ông Bơ Long X; sinh năm 1995; trú tại: Thôn 49B, xã P, huyện N, tỉnh Quảng Nam. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Lúc 20 giờ 30 phút, ngày 01/11/2023, tại khu vực dốc nhà trường, thôn 49A, xã Đ, huyện N, tỉnh Quảng Nam, Tổ công tác Đoàn Biên phòng Đ bắt quả tang Bùi Đình T có hành vi tàng trữ 1,110g (*một phẩy một trăm mười gam*) ma túy loại Heroine (*Heroin*).

Quá trình điều tra, Bùi Đình Tkhai nhận, số ma túy trên được T mua từ Võ Văn V với giá 3.000.000 đồng, mục đích mua về để sử dụng. Cụ thể là vào trưa ngày 01/11/2023, Bùi Đình T sử dụng điện thoại di động hiệu Samsung gắn số thuê bao 0987.739.987 gọi điện thoại vào số thuê bao 0352.101.869 của Võ Văn V hỏi “*có đi lấy hàng không*” tức là có lấy ma túy không, thì V trả lời là “*có*”. Lúc này V nói muốn lấy hàng thì phải chuyển tiền trước cho V. Nghe vậy T liền chuyển 1.000.000 đồng từ số tài khoản 105871487553 ngân hàng Vietinbank của T vào số tài khoản 4212205089218 ngân hàng Agribank của V theo yêu cầu. Tuy nhiên sau khi nhận tiền, Võ Văn V gọi điện lại cho T nói là với số tiền trên không lấy được ma túy và đề nghị T chuyển thêm tiền, thì T đồng ý và chuyển thêm số tiền 2.000.000 đồng. Sau khi T chuyển tiền xong, Võ Văn V liền đi rút tiền, rồi đến khu vực xã Q, huyện Đ, tỉnh Quảng Nam tìm gặp một người đàn ông có tên là S3 (*không rõ nhân thân, lai lịch*) mua ma túy với số tiền 2.500.000 đồng, còn lại 500.000 đồng V đổ xăng và hưởng lợi cá nhân. S khi mua ma túy xong V về lại nhà của mình tại thôn Đ, xã T, huyện N, tỉnh Quảng Nam; đến khoảng 18 giờ cùng ngày T gọi điện thoại hỏi V đã về chưa thì V trả lời là “*về rồi*” và hẹn T đến ngã

ba xã Đ để giao hàng. Tại đây V đã giao gói ma túy trên cho T. Sau khi nhận được gói ma túy trên, T đi về lại nơi ở của mình thì bị Tổ công tác Đồn Biên phòng Đ bắt quả tang. Sau khi biết tin T bị bắt, Võ Văn V đã bỏ nhà đi khỏi địa phương một thời gian, đến ngày 18/02/2023, qua nắm bắt địa bàn, biết V về nhà, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện N đã mời V đến trụ sở Công an huyện N làm việc, tại đây V thừa nhận toàn bộ hành vi của mình.

Bản Kết luận giám định số: 177/KL-KTHS(MT) ngày 07/11/2023 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Quảng Nam kết luận: “*Chất rắn dạng cục – bột màu trắng gửi giám định (mẫu ký hiệu A) là ma túy; loại Heroine (Heroin), có tên khoa học là: Diacetylmorphine, được quy định tại Bộ luật Hình sự 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) và Nghị định số 57/2022/NĐ-CP ngày 25/8/2022 của Chính phủ quy định các danh mục chất ma túy và tiền chất. Mẫu A gửi giám định có khối lượng là 1,110 g (một phẩy một trăm mười gam)*”.

Ngoài lần giao dịch mua bán ma túy trên, tại Cơ quan điều tra, Bùi Đình T và Võ Văn V đều thú nhận là trước đó, vào ngày 17/10/2023, V hỏi T “*có muốn chơi ma túy không*” thì T đồng ý, V yêu cầu T chuyển tiền trước, cũng thông qua các tài khoản ngân hàng và phương thức giao dịch trên, T đã chuyển cho V số tiền 500.000 đồng để mua ma túy. Sau khi nhận được tiền V chạy xuống xã Q, huyện Đ tìm gặp người đàn ông tên S3 (đã nêu trên) mua ma túy với giá tiền là 500.000 đồng, không xác định được khối lượng, chủng loại. Sau khi mua xong V lấy một ít ma túy từ gói ma túy này để sử dụng, số còn lại V đem về và giao cho T.

* Vật chứng thu giữ gồm:

- Thu và tạm giữ của Bùi Đình T:

+ 01 (Một) gói nilong không màu, mép trên có viền màu đỏ, có zip mí ở mép trên, kích thước (8x4,5)cm, bên trong có 01 (một) gói giấy màu trắng kẻ ô xanh, bên trong gói giấy chứa các cục chất rắn màu trắng. Gói chất bột này được kết luận là ma túy, loại Heroine (Heroin), sau giám định khối lượng được hoàn lại là 0,772g (*không phẩy bảy trăm bảy mươi hai gam*), được niêm phong và bàn giao lại cho Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện N quản lý theo quy định;

+ 01 (một) xe mô tô nhãn hiệu Honda, loại Winner X, mang BKS 38M1-373.62;

+ 01 (một) chứng nhận đăng ký xe mô tô, xe gắn máy, mang tên Bùi Đình T (1989), biển số đăng ký 38M1-373.62, số máy KC34B1147727, số khung RLHKC3705LY011878;

+ 01 (một) Căn cước công dân, số 042089020702, mang tên Bùi Đình T, ngày sinh 21/02/1989;

+ 01 (một) điện thoại di động hiệu Samsung đã qua sử dụng, số sêri: R7AW305MLFB, gắn sim số 0987.739.987;

+ 01 (một) xi lanh và 01 (một) kim tiêm.

- Thu và tạm giữ của Võ Văn V:

+ 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Realme đã qua sử dụng, gắn sim số 0352.101.869;

+ 01 (một) thẻ sim số 0967.657.124.

Tại bản cáo trạng số: 12/CT-VKSNG ngày 12/4/2024 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Nam Giang (viết tắt là VKSND huyện Nam Giang) truy tố bị cáo Võ Văn V về tội “Mua bán trái phép chất ma túy” theo điểm b khoản 2 Điều 251 Bộ luật Hình sự (viết tắt là BLHS) năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017); truy tố bị cáo Bùi Đình T về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” theo điểm c khoản 1 Điều 249 BLHS năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Tại phiên tòa, đại diện VKSND huyện Nam Giang thực hành quyền công tố và kiểm sát xét xử giữ nguyên nội dung bản cáo trạng truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử (viết tắt là HĐXX): (1) áp dụng điểm b khoản 2 Điều 251; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 BLHS, tuyên bố bị cáo Võ Văn V phạm tội “Mua bán trái phép chất ma túy”, xử phạt bị cáo từ 07 năm đến 08 năm tù. (2) áp dụng điểm c khoản 1 Điều 249; điểm s, r khoản 1 Điều 51; Điều 54 BLHS, tuyên bố bị cáo Bùi Đình T phạm tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”, xử phạt bị cáo từ 09 tháng đến 01 năm tù.

Về hình phạt bổ sung: Các bị cáo không có thu nhập ổn định và không có tài sản riêng nên không áp dụng hình phạt bổ sung.

Truy thu số tiền 3.500.000 đồng do phạm tội mà có của Võ Văn V, đề sung vào Ngân sách Nhà nước.

Đề nghị xử lý vật chứng:

Tịch thu tiêu hủy các vật chứng sau:

- 0,772g mẫu A và toàn bộ các bao gói mẫu vật sau giám định (ma túy, loại Heroine (Heroin) sau giám định; 01 (một) xi lanh; 01 (một) kim tiêm; 01 (một) sim số thuê bao số 0987.739.987; 01 (một) sim số thuê bao 0352.101.869.

Tịch thu sung vào ngân sách nhà nước các vật chứng gồm:

- 01 (một) xe mô tô nhãn hiệu Honda, loại Winner X, mang BKS 38M1-373.62; 01 (một) chứng nhận đăng ký xe mô tô, xe gắn máy, mang tên Bùi Đình T (1989) biển số đăng ký 38M1-373.62, số máy KC34B1147727, số khung RLHKC3705LY011878; 01 (một) điện thoại di động hiệu Samsung đã qua sử dụng số seri: R7AW305MLFB; 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Realme đã qua sử dụng.

Trả lại cho các bị cáo: Trả lại cho bị cáo Bùi Đình T: 01 (một) Căn cước công dân số 042089020702 mang tên Bùi Đình T, ngày sinh 21/02/1989; Trả lại cho bị cáo Võ Văn V 01 (một) thẻ sim số 0967.657.124.

Các bị cáo thừa nhận hành vi phạm tội của mình, không bào chữa, xin HĐXX xem xét giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, HĐXX nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Đoàn Biên phòng Đ, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện N, Điều tra viên, VKSND huyện Nam Giang, Kiểm sát

viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan và những người tham gia tố tụng khác không có người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về tội danh:

Lời khai nhận tội của các bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của các bị cáo tại cơ quan điều tra, phù hợp với lời khai của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, người chứng kiến và phù hợp với các tài liệu, chứng cứ khác có tại hồ sơ vụ án, đủ cơ sở để kết luận hành vi phạm tội của các bị cáo như sau:

2.1. Về hành vi mua bán trái phép chất ma túy:

Để có tiền tiêu xài, bị cáo Võ Văn V đã có hành vi mua và bán lại ma túy nhằm kiếm tiền chênh lệch, V đã có 02 lần bán ma túy cho Bùi Đình T, cụ thể:

Ngày 17/10/2023, bán cho Bùi Đình T ma túy với giá tiền 500.000 đồng.

Ngày 01/11/2023, bán cho Bùi Đình T ma túy với số tiền 3.000.000 đồng. Tổng thu lợi bất chính số tiền 3.500.000 đồng. Mặc dù các lần mua bán ma túy cho Bùi Đình T không bị phát hiện, nhưng đến khi bắt quả tang T tàng trữ ma túy thì T khai là mua của V. Kết luận giám định xác định được Chất rắn dạng cục – bột màu trắng thu giữ của T là ma túy loại Heroine. V thực hiện 02 lần bán ma túy cho T vào 02 ngày khác nhau, nên hành vi đủ yếu tố cấu thành tội “Mua bán trái phép chất ma túy” theo điểm b khoản 2 Điều 251 BLHS.

2.2. Về hành vi tàng trữ trái phép chất ma túy:

Ngày 17/10/2023, Bùi Đình T đã mua ma túy của Võ Văn V với giá tiền 500.000 đồng để sử dụng nhưng không xác định được khối lượng, chất ma túy.

Ngày 01/11/2023, Bùi Đình T đã mua ma túy của Võ Văn V với số tiền 3.000.000 đồng để sử dụng và sau đó bị bắt quả tang, kết luận giám định xác định, chất thu giữ của T là ma túy, khối lượng là 1,110g, loại Heroine. Do đó, hành vi của T đã đủ yếu tố cấu thành tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” theo điểm c khoản 1 Điều 249 BLHS.

Như vậy, cáo trạng của VKSND huyện Nam Giang truy tố đối với các bị cáo là có căn cứ, đúng pháp luật.

[3] Xét tính chất vụ án: Hành vi của các bị cáo là rất nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến chính sách độc quyền về quản lý, sử dụng chất ma túy của Nhà nước. Ma túy là chất gây nghiện, người nghiện ma túy ảnh hưởng nghiêm trọng đến thể chất và tinh thần, ma túy còn là nguyên nhân của các tội phạm khác. Vì vậy, Nhà nước nghiêm cấm mọi hành vi tàng trữ, mua bán, vận chuyển trái phép chất ma túy, nhằm tạo môi trường sống, học tập, lao động lành mạnh, không có tệ nạn xã hội. Các bị cáo nhận thức rõ hiểm họa của ma túy, nhưng vẫn cố ý thực hiện hành vi phạm tội. Do đó, cần có mức hình phạt đủ nghiêm, tương xứng với

tính chất, mức độ hành vi phạm tội của các bị cáo đã thực hiện, cần tiếp tục cách ly các bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian nhằm cải tạo, giáo dục các bị cáo và răn đe phòng ngừa chung.

[4] Xét các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và nhân thân bị cáo thấy rằng:

Các bị cáo Võ Văn V và Bùi Đình T không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

Trong quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa, các bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 BLHS. Riêng bị cáo Bùi Đình T đã tích cực khai báo đấu tranh ra hành vi phạm tội của bị cáo Võ Văn V nên hưởng tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm t khoản 1 Điều 51 BLHS; gia đình bị cáo V thuộc diện hộ nghèo, có 04 người con còn nhỏ, bị cáo là lao động chính trong gia đình nên hưởng tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 2 Điều 51 BLHS; về nhân thân: Các bị cáo đã bị xử phạt vi phạm hành chính, nhưng không lấy đó làm bài học mà lại tiếp tục sử dụng ma túy trái phép và phạm tội do lỗi cố ý là thể hiện thái độ bất chấp và coi thường pháp luật. Xét các bị cáo không có thu nhập ổn định và không có tài sản riêng nên không áp dụng hình phạt bổ sung bằng tiền.

[5] Về xử lý vật chứng: Căn cứ Điều 47 BLHS; Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự.

- Đối với số ma túy còn lại sau giám định là vật cấm tàng trữ và lưu hành nên tuyên tịch thu tiêu hủy.

- Đối với 01 (một) xi lanh và 01 (một) kim tiêm là công cụ sử dụng ma túy của Bùi Đình T; 02 sim có số thuê bao 0987.739.987 và 0352.101.869 là phương tiện V, T sử dụng để liên lạc trong quá trình mua bán ma túy, không còn giá trị sử dụng, nên tịch thu tiêu hủy.

- Đối với 01 (một) xe mô tô nhãn hiệu Honda, loại Winner X, mang BKS 38M1-373.62; 01 (một) chứng nhận đăng ký xe mô tô, xe gắn máy, mang tên Bùi Đình T (1989) biển số đăng ký 38M1-373.62, số máy KC34B1147727, số khung RLHKC3705LY011878; 01 (một) điện thoại di động hiệu Samsung đã qua sử dụng số seri: R7AW305MLFB; 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Realme đã qua sử dụng là những công cụ, phương tiện các bị cáo dùng vào việc phạm tội nên tịch thu nộp ngân sách nhà nước.

- Đối với 01 (một) Căn cước công dân, số 042089020702, mang tên Bùi Đình T, ngày sinh 21/02/1989 là giấy tờ tùy thân của bị cáo T, không liên quan đến hành vi phạm tội nên trả lại cho bị cáo T để quản lý sử dụng.

- Đối với 01 (một) thẻ sim số 0967.657.124 là sim số thuê bao của bị cáo V sử dụng để đăng ký dịch vụ ngân hàng không liên quan đến hành vi phạm tội nên trả lại cho bị cáo V để quản lý sử dụng.

- Bị cáo Võ Văn V 02 lần bán ma túy, thu được tổng số tiền 3.500.000 đồng, đây là số tiền thu lợi bất chính, nên cần buộc bị cáo nộp để sung vào ngân sách nhà nước.

[6] Những vấn đề liên quan đến vụ án:

Trong vụ án này, theo lời khai của bị cáo Võ Văn V thì khi xuống địa bàn huyện Đ mua ma túy, V sử dụng xe mô tô Sirius của một người bạn làm công trình có tên là H, tuy nhiên, V không rõ nhân thân, lý lịch, nơi cư trú của người này, do đó, không có cơ sở để xác minh, làm rõ. Tương tự, đối với người đàn ông đã bán ma túy cho V tên S3, theo lời khai của V thì V không rõ nhân thân, lý lịch, cũng như nơi cư trú của S3; khi đến mua ma túy S3 hay bật khẩu trang nên không thấy rõ mặt, V không sử dụng điện thoại để liên lạc cho người này do đó cũng không có cơ sở để xác minh, làm rõ. Đối với bà Zơ Rum Thị S1, bà S1 không biết bị cáo T chuyển tiền mua bán ma túy cho bị cáo V qua tài khoản ngân hàng được lập từ sim số 0967.657.124 mà bà sử dụng; nên HDXX không xem xét trách nhiệm.

[7] Về án phí: Các bị cáo là người bị kết án nên phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[8] Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát về việc đánh giá tính chất, mức độ, hậu quả hành vi phạm tội cũng như đề xuất về mức hình phạt đối với các bị cáo là phù hợp với nhận định của HDXX nên chấp nhận. Tuy nhiên, đại diện Viện kiểm sát đề nghị áp dụng điểm r khoản 1 Điều 51 BLHS đối với bị cáo Bùi Đình T là không đúng, bởi lẽ, bị cáo Bùi Đình T sau khi bị bắt quả tang đã tự nguyện khai báo thêm về việc vào ngày 17/10/2023, bị cáo có mua ma túy từ Võ Văn V là bị cáo tích cực giúp cơ quan điều tra đấu tranh ra hành vi bán ma túy của bị cáo Võ Văn V nên bị cáo T được hưởng tình tiết giảm nhẹ tại điểm t khoản 1 Điều 51 BLHS là phù hợp và không áp dụng Điều 54 BLHS đối với bị cáo T.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ:

- Điểm b khoản 2 Điều 251; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38 BLHS năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) (Đối với bị cáo Võ Văn V);

- Điểm c khoản 1 Điều 249; điểm s, t khoản 1 Điều 51; Điều 38 BLHS năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) (Đối với bị cáo Bùi Đình T).

Tuyên bố bị cáo Võ Văn V phạm tội “Mua bán trái phép chất ma túy”; bị cáo Bùi Đình T phạm tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”.

Xử phạt bị cáo Võ Văn V 07 (bảy) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt tạm giam là ngày 18/02/2024.

Xử phạt bị cáo Bùi Đình T 01 (một) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày tạm giữ là ngày 01/11/2023.

2. Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 47 BLHS; Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự:

- Tịch thu tiêu hủy: 0,772g mẫu A và toàn bộ các bao gói mẫu vật sau giám định (ma túy, loại Heroin (Heroin) sau giám định). Được niêm phong trong phong bì của Phòng

kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Quảng Nam (loại bì giấy dùng để gửi công văn) số 177/PC09; 01 (một) xi lanh; 01 (một) kim tiêm; 01 (một) sim số thuê bao số 0987.739.987; 01 (một) sim số thuê bao 0352.101.869.

- Tịch thu nộp ngân sách nhà nước: 01 (một) xe mô tô nhãn hiệu Honda, loại Winner X, mang BKS 38M1-373.62; 01 (một) chứng nhận đăng ký xe mô tô, xe gắn máy, mang tên Bùi Đình T (1989) biển số đăng ký 38M1-373.62, số máy KC34B1147727, số khung RLHKC3705LY011878; 01 (một) điện thoại di động hiệu Samsung đã qua sử dụng số seri: R7AW305MLFB; 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Realme đã qua sử dụng.

- Trả lại cho bị cáo Bùi Đình T 01 (một) Căn cước công dân, số 042089020702, mang tên Bùi Đình T, ngày sinh 21/02/1989.

- Trả lại cho bị cáo Võ Văn V 01 (một) thẻ sim số 0967.657.124.

(Toàn bộ vật chứng nêu trên hiện nay Chi cục Thi hành án dân sự huyện N đang quản lý theo Biên bản về việc giao nhận vật chứng, tài sản ngày 22/4/2024).

- Buộc bị cáo Võ Văn V nộp số tiền 3.500.000 (ba triệu năm trăm ngàn) đồng vào ngân sách nhà nước.

3. Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Buộc mỗi bị cáo phải nộp số tiền 200.000 (hai trăm nghìn) đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Bị cáo, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các cơ quan tiến hành tố tụng;
- Người tham gia tố tụng;
- Công an tỉnh Quảng Nam (PV27);
- Sở Tư pháp tỉnh Quảng Nam
(Bộ phận lý lịch tư pháp);
- Lưu: Hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Huỳnh Quang

